

## MỘT SỐ NÉT CHÍNH VỀ CTCP NHỰA VÀ MÔI TRƯỜNG XANH AN PHÁT

Ngày 06/10/2016, Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE) đã cấp Quyết định Niêm yết số **403/QĐ-SGDHCM** cho phép Công ty Cổ phần Nhựa và Môi trường xanh An Phát niêm yết cổ phiếu trên HOSE. Ngày 25/11/2016, Cổ phiếu của Công ty Cổ phần Nhựa và Môi trường xanh An Phát sẽ chính thức giao dịch với mã chứng khoán là **AAA**. Để giúp quý độc giả có thêm thông tin, SGDCK TPHCM xin giới thiệu một số nét chính về lịch sử thành lập, quá trình hoạt động, những kết quả kinh doanh đáng chú ý của Công ty Cổ phần Nhựa và Môi trường xanh An Phát trong thời gian qua.

Tên gọi: **Công ty Cổ phần Nhựa và Môi trường xanh An Phát**

Tên Tiếng anh: **An Phat Plastic and Green Environment Joint Stock Company**

Tên viết tắt: ANPHAT., JSC

Trụ sở chính: Lô CN 11 + CN 12, Cụm CN An Đồng, TT Nam Sách, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương.

Điện thoại: (84-8) 3824 9988

Fax: (84-8) 3824 9977

Website: <http://www.anphatplastic.com/>

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: số 0800373586 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Hải Dương cấp lần đầu ngày 09/03/2007 và đăng ký thay đổi lần thứ 21 ngày 30/05/2016

Vốn Điều lệ: 518.999.880.000 đồng (*Năm trăm mười tám tỷ chín trăm chín mươi chín triệu tám trăm tám mươi ngàn đồng*)

### 1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển:

- Tháng 09/2002 Tiền thân của Công ty Cổ phần Nhựa và Môi trường xanh An Phát là Công ty TNHH Anh Hai Duy được thành lập với 02 thành viên, số vốn điều lệ là 500 triệu đồng.
- Tháng 04/2004 Công ty đã thuê 10.000 m<sup>2</sup> đất tại KCN Nam Sách để đầu tư nhà máy sản xuất bao bì nhựa. Đây là nhà máy sản xuất số 1 của Công ty. Nhà máy bắt đầu hoạt động năm 2005
- Tháng 03/2007 Công ty Cổ phần Nhựa và Bao bì An Phát được thành lập với vốn điều lệ 30 tỷ đồng.
- Tháng 2/2008 Công ty đưa Nhà máy số 2 có công suất thiết kế 800 tấn sản phẩm/tháng, xây dựng tại Lô CN3 – Cụm Công nghiệp An Đồng – Nam Sách – Hải Dương đi vào hoạt động
- Tháng 09/2009 Nhà máy số 3 trên diện tích 20.064 m<sup>2</sup> đi vào hoạt động với sản phẩm chiến

lượng là túi nilon tự phân hủy và túi cuộn cao cấp chuyên dùng trong ngành thực phẩm, sản lượng hàng tháng khoảng 800 tấn/tháng.

- Tháng 11/2009 Công ty chính thức đổi tên từ Công ty Cổ phần Nhựa và Bao bì An Phát thành Công ty Cổ phần Nhựa và Môi trường xanh An Phát để phù hợp với mục tiêu và định hướng hoạt động “*sản xuất xanh, bền vững, bảo vệ môi trường*”.
- Tháng 07/2010 Công ty chính thức niêm yết cổ phiếu tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội, mã chứng khoán là AAA.
- Tháng 10/2010 Nhà máy sản xuất CaCo<sub>3</sub> của Công ty chính thức đi vào hoạt động, sản lượng trung bình đạt 450 tấn sản phẩm/tháng. Trong năm 2011, Công ty tiếp tục đầu tư dây chuyền sản xuất số 2, nâng công suất của Nhà máy đạt 10.000 tấn sản phẩm/năm, đồng thời xúc tiến xin phép khai thác đá làm nguyên liệu sản xuất tại mỏ đá Mông Sơn tỉnh Yên Bái.
- Tháng 12/2013 Nhà máy sản xuất số 5 (Nhà máy 1 mở rộng theo Hồ sơ xin phát hành 2012) hoàn thành và đang trong giai đoạn chạy thử nghiệm. Toàn bộ sản phẩm của nhà máy được xuất khẩu sang Nhật Bản.
- Tháng 05/2016 Vốn điều lệ của Công ty tăng từ 494 tỷ đồng lên 518 tỷ đồng thông qua việc phát hành cổ phiếu cho cán bộ công nhân viên

## **2. Quá trình tăng vốn điều lệ Công ty:**

Từ lúc cổ phần hóa tháng 3/2007 cho đến thời điểm hiện tại, Công ty đã thực hiện 07 đợt tăng vốn và tính đến thời điểm hiện tại, vốn điều lệ của công ty là 518.999.880.000 đồng (*Năm trăm mười tám tỷ chín trăm chín mươi chín triệu tám trăm tám mươi ngàn đồng*)

## **3. Phạm vi và lĩnh vực hoạt động của Công ty**

Căn cứ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: số 0800373586 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Hải Dương cấp lần đầu ngày 09/03/2007 và đăng ký thay đổi lần thứ 21 ngày 30/05/2016, ngành nghề kinh doanh của Công ty bao gồm các lĩnh vực kinh doanh chính:

- Mua bán máy móc, vật tư, nguyên liệu sản phẩm nhựa, bao bì nhựa các loại
- Sản xuất các sản phẩm nhựa (PP, PE)
- In và các dịch vụ in quảng cáo trên bao bì

## **4. Cơ cấu tổ chức**

Công ty hiện nay hoạt động theo mô hình công ty mẹ - con. Công ty có 02 công ty con và 01 công ty liên kết.

## **5. Cơ cấu cổ đông của Công ty**

Theo bản cáo bạch niêm yết, đến 20/05/2016 công ty có 1.498 cổ đông, trong đó có 5 cổ đông lớn nắm giữ 26.740.197 cổ phiếu, chiếm tỷ lệ 51,52% số lượng cổ phiếu đang lưu hành (gồm 4 cổ đông cá nhân trong nước và 1 cổ đông tổ chức nước ngoài)

**6. Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% vốn cổ phần của Công ty tại ngày 16/09/2016:**

TT	Tên	Địa chỉ	SLCP nắm giữ	Tỷ lệ %
1	Phạm Ánh Dương	CMND số 012144877 do CA Hà Nội cấp ngày 08/06/2007  Tập thể Viện Khoa học Việt Nam, Tổ 49, Nghĩa Đô, Quận Cầu Giấy, Hà Nội	9.264.700	17,85%
2	BEIRA LIMITED	Giấy Đăng ký sở hữu CS3890 do Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam cấp ngày 27/03/2007  2nd Floor Zephyr House, 122 Mary Street, P.O.Box 709, George Town Grand Cayman Islands	6.536.372	12,59%
3	Nguyễn Lê Trung	CMND số 013164787 do CA Hà Nội cấp ngày 19/03/2009  Số 3, Ngõ 39, Nguyễn Phúc Lai, Đống Đa, Hà Nội	6.221.250	11,99%
4	Phạm Hoàng Việt	CMND số 001081010137 do CA Hà Nội cấp ngày 21/10/2015  Tập thể Viện Khoa học Việt Nam, Tổ 49, Nghĩa Đô, Quận Cầu Giấy, Hà Nội	6.074.625	11,7%
5	Nguyễn Xuân Hà	CMND số 162819049 do CA Nam Định cấp ngày 02/02/2015  Vĩnh Lại, Vĩnh Hào, Vụ Bản, Nam Định	3.643.250	7,02%

**7. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty:**

Các sản phẩm và dịch vụ chính của nhà máy hiện nay bao gồm: túi cho thị trường Nhật Bản, túi siêu thị, túi đựng rác, túi có mùi thơm, túi in nhiều màu, hạt nhựa, màng nhựa, dịch vụ gia công túi...

Sản phẩm	2015		2014	
	Doanh thu (triệu đồng)	Sản lượng tiêu thụ (tấn)	Doanh thu (triệu đồng)	Sản lượng tiêu thụ (tấn)
Túi	1.381.172	37.167	1.397.917	34.209
Hạt nhựa	130.762	4.679	109.798	3.295
Dịch vụ gia công	2.458	243	-	-
Hạt calbest	101.657	11.187	57.048	6.049
<b>Tổng cộng</b>	<b>1.616.049</b>	<b>53.327</b>	<b>1.564.763</b>	<b>43.553</b>

*Nguồn: Công ty Cổ phần Nhựa và Môi trường Xanh An Phát*

## 8. Doanh thu, chi phí của Công ty qua các năm

### Doanh thu:

Các sản phẩm và dịch vụ chính của nhà máy hiện nay bao gồm: túi cho thị trường Nhật Bản, túi siêu thị, túi đựng rác, túi có mùi thơm, túi in nhiều màu, hạt nhựa, màng nhựa, dịch vụ gia công túi... với doanh thu đạt được như sau:

Doanh thu hợp nhất và sản lượng sản phẩm qua các năm

*Đơn vị tính: triệu đồng*

Sản phẩm	2015			2014		
	Doanh thu	%	SLTT (tấn)	Doanh thu	%	SLTT (tấn)
Túi	1.381.172	85,4%	37.167	1.397.917	89,3%	34.209
Hạt nhựa	130.762	8,1%	4.679	109.798	7,1%	3.295
Dịch vụ gia công	2.458	0,2%	243	-	-	-
Hạt calbest	101.657	6,3%	11.187	57.048	3,6%	6.049
<b>Tổng cộng</b>	<b>1.616.049</b>	<b>100%</b>	<b>53.327</b>	<b>1.564.763</b>	<b>100%</b>	<b>43.553</b>

*Nguồn: Công ty Cổ phần Nhựa và Môi trường Xanh An Phát*

Các sản phẩm và dịch vụ chính của nhà máy hiện nay bao gồm: túi cho thị trường Nhật Bản, túi siêu thị, túi đựng rác, túi có mùi thơm, túi in nhiều màu, hạt nhựa, màng nhựa, dịch vụ gia công túi...

### Chi phí sản xuất kinh doanh:

#### Cơ cấu chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh hợp nhất qua các năm

Đơn vị tính: triệu đồng

Chỉ tiêu	2015		2014		6 tháng đầu năm 2016	
	Giá trị	% DTT	Giá trị	% DTT	Giá trị	% DTT
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>1.614.549</b>		<b>1.560.644</b>		<b>940.648</b>	
GVHB	1.424.741	88,2%	1.377.899	88,3%	815.191	86,7%
Chi phí tài chính	49.992	3,1%	25.897	1,7%	18.825	2,0%
<i>Trong đó chi phí lãi vay</i>	<i>24.066</i>	<i>1,5%</i>	<i>17.187</i>	<i>1,1%</i>	<i>13.381</i>	<i>1,4%</i>
Chi phí bán hàng	75.230	4,7%	78.938	5,1%	23.131	2,5%
Chi phí quản lý doanh nghiệp	41.608	2,6%	35.977	2,3%	28.357	3,0%
Chi phí khác	4.161	0,3%	5.524	0,3%	1.353	0,1%
<b>Tổng chi phí</b>	<b>1.595.732</b>	<b>98,9%</b>	<b>1.524.235</b>	<b>97,7%</b>	<b>886.857</b>	<b>94,3%</b>

Xét trên quy mô hợp nhất, tổng chi phí sản xuất kinh doanh của Công ty chiếm tỷ trọng trên 95% doanh thu thuần trong đó chi phí năm 2015 rất lớn, tương đương với gần 99% doanh thu. Trong đó, chi phí giá vốn hàng bán luôn chiếm tỷ trọng lớn nhất trên doanh thu thuần, hơn 88% trong năm 2014 và 2015, nguyên nhân chính là do chi phí nguyên vật liệu luôn chiếm một tỷ trọng rất lớn trong khâu sản xuất. Các chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp chiếm khoảng 7,3% doanh thu.

Chi phí tài chính bao gồm chi phí lãi vay và chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh trong năm. Trong năm 2015, do tỷ giá biến động mạnh nên chi phí tài chính tăng lên 3,1% trên doanh thu, cao gần gấp đôi so với năm 2014. Ngoài ra do phải đầu tư nhiều vào các dự án và

nhà máy mới nên chi phí lãi vay của Công ty cũng tăng lên, chiếm 1,5% doanh thu trong năm 2015 và 1,4% trong 6 tháng đầu năm 2016.

Trong 06 tháng đầu năm 2016, tổng chi phí chỉ chiếm khoảng 94,3% doanh thu, giảm rất nhiều so với tỷ lệ chung trong năm 2015 và năm 2014. Điều này cho thấy các hoạt động kiểm soát chi phí và biện pháp tăng doanh thu của Công ty đã bước đầu có hiệu quả.

## 9. Nguyên vật liệu

### Cơ cấu chi phí nguyên vật liệu năm 2014 và năm 2015

Đơn vị tính: triệu đồng

Nguyên vật liệu	2015		2014	
	Chi phí	%	Chi phí	%
Hạt nhựa nguyên sinh	953.565	74,0%	930.342	69,7%
Hạt nhựa tái sinh	172.579	13,4%	234.499	17,6%
Chất phụ gia CaCO <sub>3</sub>	23.220	1,8%	42.631	3,2%
Khác	139.543	10,8%	127.227	9,5%
<b>Tổng cộng</b>	<b>1.288.907</b>	<b>100%</b>	<b>1.334.699</b>	<b>100%</b>

Nguồn: Công ty Cổ phần Nhựa và Môi trường Xanh An Phát

- **Nguyên liệu tái chế:**

Nguyên liệu tái chế của Công ty là các loại màng HDPE, LDPE, LLDPE được thu gom tại các cơ sở thu mua phế liệu trong nước. Các cơ sở này có tại hầu hết các tỉnh miền Bắc và khả năng cung cấp vào khoảng 700 tấn/tháng với số lượng ổn định. Ngoài việc thu mua phế liệu trong nước, Công ty còn có cơ sở thu mua phế liệu tại Đức và Nhật. Đây là nguồn nguyên liệu có chất lượng rất tốt, giá mua không cao nhưng gặp khó khăn do chính sách của nhà nước quản lý phế liệu nhập khẩu.

- **Hạt nhựa nguyên sinh**

Hạt nhựa nguyên sinh được Công ty sử dụng để sản xuất cho nhóm mặt hàng bao bì cao cấp, chất lượng cao như túi siêu thị, túi thực phẩm, y tế... Hạt nhựa nguyên sinh được nhập khẩu trực tiếp từ Singapore, Thailand, Hàn Quốc, Kuwait, Arab Saudi... Chất lượng của hạt nguyên sinh rất tốt, phù hợp với các tiêu chuẩn chất lượng, nguồn cung lớn và ổn định.

- **Hạt nhựa tái sinh**

Do có quan hệ lâu năm với các nhà máy tái chế ở Hàn Quốc nên công ty có một nguồn cung cấp hạt nhựa phế liệu ABS, PP, HDPE, LLDPE, LDPE rất dồi dào với chất lượng cao và giá thành khoảng 2/3 giá nhựa nguyên sinh. Hạt nhựa tái sinh này được kiểm soát chặt chẽ trong khâu sản xuất nên đã phân nào đáp ứng được các nhu cầu của công ty.

- **Các chất phụ gia**

Trong quá trình sản xuất, công ty có nhập một số lượng khoảng 10% - 20% tổng khối lượng các chất phụ gia trong quá trình sản xuất nhựa như hạt CaCo<sub>3</sub>, mực in, dung môi, hạt màu... Tất cả các chất phụ gia này hiện đều có bán trong nước với chất lượng và giá thành hợp lý.

**Tỷ trọng nguyên vật liệu trên doanh thu**

Chỉ tiêu	Công ty mẹ		Hợp nhất	
	2015	2014	2015	2014
Chi phí nguyên vật liệu	1.283.810	1.416.807	1.288.907	1.334.699
Doanh thu thuần	1.521.962	1.531.827	1.614.549	1.560.644
<b>Tỷ trọng</b>	<b>84,35%</b>	<b>92,49%</b>	<b>79,83%</b>	<b>85,52%</b>

*Nguồn: Công ty Cổ phần Nhựa và Môi trường Xanh An Phát*

Xét trên quy mô hợp nhất, tỷ lệ chi phí nguyên vật liệu trên doanh thu trong năm 2015 ở mức 79,83% thấp hơn so với mức 85,52% trong năm 2014; và thấp hơn hẳn so với tỷ lệ tại Công ty mẹ. Điều này là do Công ty đã chủ động được nguồn nguyên liệu CaCO<sub>3</sub> (là một chất phụ gia chiếm tỷ trọng đáng kể) thông qua việc sở hữu nhà máy khoáng sản tại Yên Bái.

Hiện nay chính sách bán và nhập hàng của AAA đã được thay đổi để phù hợp với những diễn biến khó lường của thị trường. Theo đó, Công ty thỏa thuận với khách hàng và nhà cung cấp sẽ điều chỉnh đơn giá hợp đồng mỗi khi có thay đổi giá +/-10%. Ban lãnh đạo tin tưởng rằng với công thức giá thay đổi như vậy, ảnh hưởng của giá nguyên vật liệu sẽ không còn tác động quá lớn đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

## **10. Trình độ công nghệ:**

Máy móc sử dụng tại AAA được nhập khẩu chủ yếu từ các nước có trình độ công nghệ tiên tiến như Đài Loan và Nhật Bản. Một số sản phẩm công nghệ mới đã được chính An Phát sản xuất như hệ thống sản xuất nhựa tái chế, hệ thống xử lý nước thải và một số máy móc khác.

- Hệ thống sản xuất nhựa tái chế

- Hệ thống xử lý nước thải

## 11. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh:

Đơn vị tính: triệu đồng

Chỉ tiêu	Hợp nhất			
	Năm 2014	Năm 2015	% tăng giảm	Quý II/2016
Tổng tài sản	1.421.651	1.954.765	37,5%	2.142.126
Vốn CSH	786.326	819.485	4,2%	869.941
DTT	1.560.644	1.614.549	3,5%	940.648
LN thuần từ HĐKD	56.548	48.754	-13,8%	69.304
LN khác	652	1860	185,3%	1.425
LNTT	57.200	50.615	-11,5%	70.729
LNST của công ty mẹ	46.963	40.016	-14,8%	62.016
ROE	7,11%	5,04%	-29,1%	
Tỷ lệ LNG	11,71%	11,76%	0,40%	13,34%
Tỷ lệ cổ tức/ mệnh giá	25% cổ phiếu thưởng	7% tiền mặt		
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức		86,6%		

Nguồn: CTCP Nhựa và Môi trường Xanh An Phát

➤ Xét trên BCTC công ty mẹ, doanh thu thuần năm 2015 giảm nhẹ 0,6% so với năm 2014, lợi nhuận sau thuế lại tăng đáng kể đạt 54,7 tỷ đồng so với 36 tỷ đồng, tương đương với mức tăng 51%. Nguyên nhân chủ yếu là do Công ty đã thay đổi chính sách mua nguyên vật liệu và bán hàng, giúp cho Công ty chủ động và linh hoạt hơn trong chính sách bán hàng, nhất là trong thời kỳ giá dầu thô biến động khó lường như cuối năm 2014 đầu năm 2015.

➤ Xét trên BCTC hợp nhất năm 2015, mặc dù doanh thu thuần hợp nhất năm 2015 chỉ đạt 1.614 tỷ đồng, tăng 3,5% so với con số 1.560 tỷ đồng của năm 2014, lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ trên BCTC hợp nhất năm 2015 chỉ đạt 40 tỷ đồng và thấp hơn mức 46,9 tỷ đồng của năm 2014. Nguyên nhân là do mức chi phí tài chính và chi phí quản lý doanh nghiệp tăng mạnh trong năm 2015 so với năm 2014.

➤ Trong 6 tháng đầu năm 2016 lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ đạt 62 tỷ đồng, gấp 1,5 lần toàn bộ lợi nhuận của Công ty trong năm 2015.

➤ Trong năm 2015 toàn bộ khoản lợi nhuận sau thuế năm 2014 đã được dùng để bổ sung vốn cho lưu động cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Tuy nhiên Công ty vẫn thực hiện



chi trả cổ tức bằng cổ phiếu, lấy nguồn từ phần lợi nhuận chưa phân phối. Tháng 04/2016 Công ty đã thực hiện chi trả cổ tức năm 2015 bằng tiền mặt với tỷ lệ 7% mệnh giá.

## 12. Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác cùng ngành :

### So sánh tình hình tài chính các công ty niêm yết trong ngành trong năm 2015

*Đơn vị tính: tỷ đồng*

Chỉ tiêu	AAA	RDP	TPC	SPP	VBC
Vốn điều lệ	495	181,3	244,3	135,8	30,0
Vốn chủ sở hữu	819,0	302,0	306,5	236,0	95,0
Tổng tài sản	1.955,0	766,0	535,0	860,0	284,0
Doanh thu thuần	1.614,0	1.131,0	707,0	184,0	663,0
Lợi nhuận gộp	190,0	149,0	49,0	24,0	71,0
Biên lợi nhuận gộp	11,8%	13,2%	6,9%	13,0%	10,7%
Lợi nhuận sau thuế	40,0	60,0	10,6	1,4	25,5
Tỷ suất LNST/DTT	2,5%	5,3%	1,5%	0,8%	3,8%
Tỷ suất ROE năm 2015	5,04%	21,9%	3,5%	0,6%	28,0%
Tỷ suất ROA năm 2015	2,37%	7,9%	1,8%	0,2%	9,4%
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đồng)	642	3.438	497	111	7.777
P/E tại 06/06/2016	22,6	8,9	14,7	12,70	5,9

*Nguồn: Tổng hợp của Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn*

So với các doanh nghiệp trong ngành niêm yết trên thị trường chứng khoán, AAA là doanh nghiệp có quy mô lớn nhất về vốn điều lệ, tổng tài sản và doanh thu. Vốn điều lệ AAA lớn gấp 2 lần so với doanh nghiệp đứng thứ 02 trong danh sách so sánh là CTCP Nhựa Tân Đại Hưng. nhưng tổng tài sản của AAA tại 31/12/2015 là 1.955 tỷ đồng, lớn gấp 3,65 lần so với TPC; doanh thu cũng đạt hơn 1.614 tỷ đồng, nhiều gấp 02 lần so với TPC.

Tuy nhiên các chỉ tiêu hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh như biên lợi nhuận gộp, tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu thuần hoặc ROE của AAA đều thấp hơn RDP hoặc VBC – một công ty liên kết của AAA. Trong năm 2015 tỷ suất ROE của AAA đạt 5,04% trong khi

RDP và VBC đạt chỉ số tương ứng là 21,9% và 28%. Tỷ suất sinh lời trên tài sản của AAA trong năm 2015 cũng thấp hơn rất nhiều so với RDP và VBC mặc dù có cao hơn một chút so với TPC và SPP.

### 13. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức năm 2016, 2017

#### Kế hoạch lợi nhuận của Công ty trong năm 2016

Đơn vị tính: triệu đồng

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2015	Năm 2016	
		Thực hiện	Kế hoạch	% thay đổi so với 2015
Sản lượng sản xuất	Tấn	37.167	53.000	42,60%
Doanh thu thuần	Triệu đồng	1.614.549	2.100.000	30,01%
Lợi nhuận sau thuế		40.016	100.000	149,9%
Vốn CSH		819.485	884.835	7,97%
Tỷ lệ LNST/DTT	%	2,5%	4,8%	90,48%
Tỷ lệ LNST/Vốn CSH	%	4,88%	11,3%	131,56%
EPS		642	1.927	200,15%
Cổ tức	%	7% bằng tiền mặt	10%-15% bằng tiền mặt	

### 14. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

#### Một số chỉ tiêu tài chính chủ yếu của Công ty

Chỉ tiêu	ĐVT	Công ty mẹ		Hợp nhất	
		Năm 2015	Năm 2014	Năm 2015	Năm 2014
<i>Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</i>					
- Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	1,38	1,34	1,61	1,37

- Hệ số thanh toán nhanh	Lần	1,06	1,07	1,29	1,10
<i>Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</i>					
- Hệ số Nợ/Tổng tài sản	Lần	0,57	0,46	0,58	0,45
- Hệ số Nợ/Vốn CSH	Lần	1,33	0,86	1,39	0,81
<i>Chỉ tiêu về khả năng hoạt động</i>					
- Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	8,58	8,67	8,10	7,84
- DTT/Tổng tài sản BQ	Lần	0,96	0,96	0,96	0,92
<i>Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</i>					
- Hệ số LNST/DTT	%	3,60%	2,37%	2,51%	3,06%
- ROE (hệ số LNST/VCSH BQ)	%	7,23%	4,79%	5,05%	5,95%
- ROA (hệ số LNST/tổng TS BQ)	%	3,44%	2,28%	2,40%	2,83%
- Hệ số LNT từ hoạt động kinh doanh/DTT	%	4,02%	2,76%	3,02%	3,62%

*Nguồn: Công ty Cổ phần Nhựa và Môi trường Xanh An Phát*

## **15. Kế hoạch đầu tư, dự án đã được HĐQT, ĐHCĐ thông qua**

Hoàn thiện và đưa vào sử dụng Nhà máy số 6 trong Quý II năm 2016: Nhà máy số 6 được đầu tư với tổng kinh phí dự kiến là 500,6 tỷ đồng. Nhà máy được đầu tư với công suất thiết kế đạt 37.000 tấn sản phẩm/năm và chuyên sản xuất sản phẩm cao cấp cho thị trường Nhật Bản; đã đưa vào sử dụng giai đoạn 1 trong tháng 06 năm 2016

Thực hiện kế hoạch xây dựng Nhà máy số 7 trên diện tích 15.000 m<sup>2</sup>, tại cụm công nghiệp An Đồng, sản xuất sản phẩm xuất khẩu cho Hoa Kỳ; và đưa vào sử dụng trong tháng 10/2016.